

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-9-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mai Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Hữu Thiện;
- Bà Lâm Thị Tươi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Trà M năm 1997, địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C năm 1992, địa chỉ: Tổ A, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 12-6-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Trà M1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh C1 nhau khi anh C2 thợ trang trí nội thất của trường M14, thị xã T, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh C3 đến hôn nhân. Anh chị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 23-12-2020. Anh chị chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn với chị và mẹ ruột của chị, do anh C4 nhà cha mẹ sống đi làm nên anh chị sống xa nhau, anh C5 xuyên ghen tuông, anh C6 lo cho con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 30/11/2021, chị M2 cầu nuôi con, không yêu cầu anh C7 dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Minh C8 trình bày:*

Anh thống nhất thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung như chị M3 bày là đúng. Anh về nhà cha mẹ để đi làm, vợ chồng anh vẫn gặp nhau, anh vẫn gởi tiền cho vợ để lo cho gia đình, vợ chồng anh tuy sống xa nhau nhưng vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh C9 thương vợ con nên anh yêu cầu được đoàn tụ. Nếu ly hôn anh C10 yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị M4 dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên yêu cầu Toà án giải quyết.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu.*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh C.

Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Đương sự chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị Trà M1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh C8. Anh C cư trú tại ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Trà M1:

Chị Dương Thị Trà M1 và anh Nguyễn Minh C8 qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 23 tháng 12 năm 2020. Hôn nhân giữa chị M và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên toà chị M5 như anh C11 xác định anh C12 con trai út nhưng khi mới cưới anh C cũng đồng ý về sống bên nhà vợ. Do anh C sống tại nhà mẹ vợ không quen công việc và không có việc làm ổn định nên anh C13 về nhà mẹ ruột để đi làm mới có tiền lo cho vợ con. Anh C13 đi làm ăn xa tuy nhiên vợ chồng anh vẫn giữ liên lạc và vẫn thường xuyên gặp nhau.

Chị M6 rằng anh C6 lo và thương vợ con, thấy rằng: Anh C là con trai út, có nhà của cha mẹ ở Huyện D cưới chị M7 vẫn cùng chị M8 nhà mẹ chị M sống, ngoài ra tại Biên bản lấy lời khai (BL 18) chị M5 xác nhận anh C14 gởi tiền cho chị để lo cho con khoảng 100.000.000 đồng. Việc anh C14 nhà cha mẹ nhưng vẫn cùng chị M8 nhà chị M sống và vẫn gởi tiền cho chị M9 nuôi con càng thể hiện tình cảm của anh C15 cho chị M10 nhiều. Tại các buổi làm việc, hoà giải anh C16 thiết mong Toà cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị M11 anh C không trầm trọng, cần cho anh C cơ hội hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị M12 phù hợp

[3] Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M13 về con chung Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Dương Thị Trà M1 chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 54 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị Trà M1 đối với anh Nguyễn Minh C8.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Trà M1 chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H

đã nộp theo biên lai thu số 0007873 ngày 25-6-2024 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp đủ án phí.

**5.** Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Bàu Năng
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Phan Thị Mai Dung**